

CHẾ ĐỘ “DUYỆT TUYỂN” DƯỚI THỜI GIA LONG (1802 - 1820) VÀ MINH MẠNG (1820 - 1841)

Bùi Gia Khánh

Khoa Sư phạm Khoa học Xã hội, Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt. Bài viết bắt đầu từ việc khái lược về chế độ duyệt tuyển ở Việt Nam trước thế kỉ XVIII, rồi từ đó tập trung làm rõ chế độ duyệt tuyển được thực hiện dưới thời Gia Long và Minh Mạng. Tác giả chủ yếu sử dụng phương pháp lịch sử, phân tích, thống kê sử liệu từ nguồn thư tịch cổ của Việt Nam để làm rõ quá trình thực hiện chế độ duyệt tuyển qua hai triều vua Gia Long và Minh Mạng. Mục đích của chế độ duyệt tuyển thời Gia Long và Minh Mạng cũng nhằm để phân loại dân đinh thành các hạng khác nhau để đánh thuế, đồng thời lấy đó làm căn cứ để tuyển lính. Kết quả nghiên cứu cho thấy, từ thời Gia Long (1802 - 1820) cho đến Minh Mạng (1820 - 1841) hoạt động duyệt tuyển ngày càng trở nên quy củ hơn gắn liền với quá trình tập trung quyền lực của nhà nước quân chủ. Bên cạnh đó, những khó khăn trong quá trình thực hiện duyệt tuyển ở khu vực miền núi phía Bắc cũng cho thấy triều đình trung ương chưa thể chi phối hoàn toàn khu vực này, ngay cả trong giai đoạn chính quyền trung ương hoàn thiện nhất dưới thời Minh Mạng.

Từ khóa: tuyển lính, triều Nguyễn, Gia Long, Minh Mạng, duyệt tuyển, binh lính.

1. Mở đầu

Duyệt tuyển tức là “duyet dân tuyển lính”. Duyệt là kiểm tra sổ đinh, phân loại các hạng dân đinh để đánh thuế và bắt lính bổ sung vào quân đội. Đây là một chế độ đặc biệt quan trọng trong chính sách cai trị của các triều đại quân chủ Việt Nam trong lịch sử. Duyệt tuyển còn biểu thị cho quyền lực của bộ máy trung ương chi phối xuống tận xã thôn. Thông qua duyệt tuyển, nhà nước nắm được dân số theo địa bàn cư trú ở phạm vi nhỏ nhất, phân loại dân số để thu thuế, đồng thời bổ sung lực lượng cho quân đội chính quy. Kế tiếp kinh nghiệm và truyền thống trị nước từ các triều đại trước, triều Nguyễn tiếp tục thực hiện chế độ duyệt tuyển để củng cố sức mạnh của chính quyền trung ương. Không có duyệt tuyển, chính quyền quân chủ không thể nắm được số lượng dân đinh cũng như thiếu căn cứ để áp đặt tỉ lệ kén lính. Do đó, thực hiện chế độ duyệt tuyển là một trong những mối quan tâm hàng đầu thời Gia Long và Minh Mạng.

Hoạt động duyệt tuyển qua các thời kì đều được các bộ sử đề cập, có thể kể đến như: *Đại Việt sử ký toàn thư* [1], *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* [2], *Lịch triều hiến chương loại chí* [3]... Các bộ sử, điển chế của triều Nguyễn cũng ghi chép các cuộc duyệt tuyển trong thế kỉ XIX như: *Đại Nam thực lục* [4, 5, 6, 7], *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* [8]... Đây là nguồn tư liệu quan trọng nhất để tác giả sử dụng khi thực hiện nghiên cứu này.

Nghiên cứu về triều Nguyễn dưới góc độ lịch sử quân sự, binh chế nói chung có thể kể đến một bài viết sau: *Tìm hiểu chế độ lao dịch và binh dịch dưới triều vua Gia Long* (Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận, 1965) [9], *Tuyển mộ binh lính dưới triều Minh Mệnh 1820-1840*

Ngày nhận bài: 2/7/2022. Ngày sửa bài: 29/7/2022. Ngày nhận đăng: 7/8/2022.

Tác giả liên hệ: Bùi Gia Khánh. Địa chỉ e-mail: buigiakhanh.qb@gmail.com

(Hoàng Lương, 2016) [10], *Chế độ đãi ngộ đối với võ quan trong quân đội của vương triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884* (Vũ Thị Nga, 2019) [11]... Những bài viết vừa nêu đã đi sâu làm rõ một số vấn đề liên quan đến binh chế, chế độ đối với binh lính dưới triều Nguyễn, tuy nhiên chế độ duyệt tuyển chưa được đề cập trực tiếp và hệ thống.

Cùng với hướng tiếp cận nghiên cứu các vấn đề liên quan đến binh chế triều Nguyễn, tác giả bài viết này đã có một số công bố có liên quan: *Thủy quân triều Nguyễn dưới thời Gia Long và Minh Mệnh* (Bùi Gia Khánh, 2013) [12], *Thủy quân triều Nguyễn (1802 - 1884)* (Bùi Gia Khánh, 2018) [13]... Những công bố này đều có liên quan chặt chẽ đến bài viết đang trình bày.

Liên quan đến mảng đề tài thuộc lĩnh vực quân sự, tổ chức hành chính và bộ máy nhà nước có thể nhắc đến một số chuyên khảo quan trọng sau: *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)* (Nguyễn Minh Tường, 1996) [14], *Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884* (Đỗ Bang, 1997) [15], *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn* (Phan Đại Doãn, Nguyễn Minh Tường và cộng sự, 1998) [16], *Lịch sử Việt Nam, Tập 5: Từ năm 1802 đến năm 1858* (Trương Thị Yên, 2017) [17], *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 8: Hoạt động quân sự từ năm 1802 đến năm 1896* (Viện Lịch sử quân sự, 2020) [18]... Đề cập đến tình hình xã hội nhưng ít nhiều có liên quan đến các hoạt động quân sự nửa đầu triều Nguyễn, có thể kể đến công trình *Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX* (Nguyễn Phan Quang, 1986) [19]. Mặc dù các công trình vừa nêu đã có những đóng góp quan trọng về mặt khoa học trong định hướng nghiên cứu riêng của mình, nhưng chế độ duyệt tuyển của triều Nguyễn hầu như chưa được nghiên cứu và trình bày một cách thấu đáo, đầy đủ.

Nhìn chung, chế độ duyệt tuyển với tư cách là một nghiên cứu riêng biệt để từ đó nhìn nhận vai trò của chế độ này trong hoạt động của nhà nước quân chủ thì chưa có công trình nào, nhất là trong thời Gia Long và Minh Mạng. Bài viết lựa chọn thời gian Gia Long và Minh Mạng để tìm hiểu vấn đề bởi vì, thời Gia Long là giai đoạn tạo dựng nền tảng quan trọng cho sự tồn tại của triều Nguyễn với sự nỗ lực thiết lập một bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương. Thực tế chứng minh vua Minh Mạng đã làm được những gì ông mong muốn thông qua cuộc cải cách hành chính do ông chủ trương và cho triển khai vào năm 1831 - 1832. Sau cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng, “bộ máy hành chính nước Đại Nam, nửa đầu thế kỉ XIX đã được củng cố, cách tân trở thành một bộ máy hoàn chỉnh và chặt chẽ bậc nhất trong lịch sử thời quân chủ nước ta” [14, 12].

Kết quả nghiên cứu này sẽ giúp nhìn nhận rõ hơn quá trình tập trung hóa quyền lực của bộ máy nhà nước trải qua hai triều vua đầu triều Nguyễn. Tìm hiểu về đề tài này cũng góp phần hiểu rõ hơn về lý do buộc Gia Long phải áp dụng hình thức tổ chức nhà nước phân quyền những nỗ lực của Minh Mạng trong quá trình củng cố mô hình quân chủ tập trung cao độ, điển hình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lược khảo về chế độ “duyet tuyển” trước thế kỉ XIX

Hoạt động duyệt tuyển đã được tiến hành từ thời Lý, với việc phân loại đinh nam thành hoàng nam và đại nam [1, 281]. Việc phân loại dân đinh là cơ sở quan trọng để nhà nước có thể định mức thuế, lao dịch và tổ chức bắt lính bổ sung vào quân đội. Phan Huy Chú có nhận định về hoạt động duyệt tuyển thời Lý Trần rằng: “Buổi đầu nhà Trần, làm sổ hộ tịch cứ hàng năm lại làm kế tiếp, phép làm rất rõ và kĩ, vì là noi theo phép cũ của nhà Lý nên như vậy” [3, 89].

Đến thời Lê sơ, phép duyệt tuyển mới được định lại rõ ràng và quy cũ hơn các triều trước. Năm Hồng Đức thứ 1 (1470), “định lệ cứ 3 năm làm hộ tịch một lần, gọi là tiểu điển, 6 năm một lần gọi là đại điển” [3, 90]. Phan Huy Chú bình rằng: “Từ thời Hồng Đức định lệ rõ ràng mới thật là tiêm tất. Ba năm một lần duyệt lại, kiểm xét không sót, cho nên dân đinh bấy giờ không

thể ẩn lậu được, mà công việc binh chính, tài chính cứ chiếu sổ là có thể xét biết được” [3, 91]. Định lệ duyệt tuyển từ năm Hồng Đức thứ 1 trải qua các đời sau đều theo đó để thực hiện.

Thời Lê Trung Hưng do phải thường xuyên đánh dẹp các cuộc nổi dậy, việc bổ sung binh lính trở nên cấp thiết, trong khi phép duyệt tuyển lại không hiệu quả, nên năm 1688, phép bình lệ được áp dụng để thay thế. Phép bình lệ là chỉ căn cứ vào sổ sách cố định rồi chia đều chỉ tiêu dân đinh cho các làng xã để thu thuế và bắt lính; sổ đinh mới không bổ sung và người chết rồi cũng không bỏ ra khỏi sổ. Chính sách mới dẫn đến hệ quả là: “Số đinh thêm lên không tính, hao hụt cũng không trừ, không biết được hết, không phải theo ý trọng dân số của người xưa nữa. Các đời sau noi theo, không kê lại nữa, đến hơn 50 năm về sau, đời Bảo Thái muốn khôi phục phép cổ, nhưng vì thành pháp đã bỏ, rốt cuộc không thể làm được” [3, 94].

Năm 1773, chúa Trịnh Sâm thấy rằng “phép bình lệ không tính số đinh tăng lên hay sút đi, phép ấy thi hành hơn 50 năm, phân nhiều sai suyền; năm Bảo Thái tiếp tục làm sổ cũng chỉ dựa theo ngạch cũ, rồi sau không kê tiếp sửa lại, đến nay lại đã hơn 50 năm rồi. Bây giờ nên cân nhắc phép đời trước, châm chước việc ngày nay, tham khảo mọi mặt định thành điều lệ, xét thực số nhân đinh, sửa đổi lại sổ hộ, cho phép dân được tự liệu lượng nhân khẩu mà chịu số hộ, để cho đủ ngạch trong sổ” [2, 705-706]. Tuy nhiên do đã quen với phép bình lệ trước đây nên khi thực hiện chính sách này đã gặp phải sự phản ứng quyết liệt từ địa phương. Đến nỗi người chủ trì công việc này là Lê Quý Đôn bị “nhân dân đều nghiến răng căm hờn, họ làm thư nặc danh dán ở cửa phủ chúa Trịnh xin bãi bỏ Quý Đôn đi mà dùng Ngũ Phúc, lời lẽ trong thư rất là khích thiết” [2, 706]. Trước tình hình đó, chúa Trịnh Sâm buộc phải thay đổi mệnh lệnh, bỏ Hoàng Ngũ Phúc cùng Lê Quý Đôn cùng giữ công việc đôn đốc làm sổ đinh. Cuối cùng, theo ý kiến của Hoàng Ngũ Phúc lại quay về quy định cũ, tuy có châm chước thay đổi ít nhiều nhưng cũng không thể bỏ hẳn phép bình lệ.

Trong khi ở Đàng Ngoài chế độ duyệt tuyển bị suy giảm vai trò trong việc kiểm soát nhân đinh và phải thay đổi nhiều lần nhưng không mang lại hiệu quả, thì ở Đàng Trong chế độ duyệt tuyển về căn bản vẫn áp dụng quy chế thời Lê sơ. Ngay từ năm 1632, theo ý kiến của Đào Duy Từ, chúa Nguyễn Phúc Nguyên bắt đầu thi hành phép duyệt tuyển theo như định lệ ban hành từ thời Hồng Đức. Theo đó, sau kì duyệt tuyển, chiếu từng hạng để định lệ thu thuế theo ngạch bậc khác nhau: tráng, quân, dân, lão, tật, cố, cùng, đào. Đối với quân đội nếu thiếu số lượng binh lính thì căn cứ vào sổ quân hạng để tuyển bổ [4, 49]. Từ đó về sau, các chúa Nguyễn đều định kì thực hiện các cuộc duyệt tuyển lớn nhỏ, có châm chước ít nhiều nhưng không thay đổi cổ lệ đã ban hành.

Năm 1707, chúa Nguyễn định lại thể thức duyệt tuyển, gồm 22 điều. Quy định mới này tuy không thay đổi bản chất chế độ duyệt tuyển nhưng đã cụ thể hóa đến từng đơn vị quân đội cũng như các trường hợp già yếu, tàn tật, hoặc ngụ cư hoặc trốn tránh binh dịch. Đồng thời cũng quy định rõ hơn việc sát hạch đối với các trường hợp là học trò chính đồ và hoa văn có trình độ học vấn, nếu đỗ thì cho là nhiều học; các nhà sư cũng phải được kiểm tra nếu có giấy chứng nhận của chính quyền là tăng sĩ, thực sự giữ giới và tu hành thì mới được tiếp tục còn không thì cứ vào độ tuổi để bỏ vào các hạng [4, 120-121].

Trong thời gian nội chiến với Tây Sơn từ 1777 cho đến 1790, lực lượng của Nguyễn Ánh phải phiêu dạt nhiều nơi nên hoạt động duyệt tuyển bị gián đoạn. Từ năm 1790, khi đã đặt được căn cứ khá vững chắc ở Gia Định, Nguyễn Ánh mới khôi phục lại phép duyệt tuyển. Về cơ bản vẫn theo lệ cũ: “Phép duyệt tuyển thời quốc sơ, cứ ba năm một lần là điển nhỏ, sáu năm một lần là điển lớn. Phạm dân đinh đến tuổi thì tục thêm vào sổ, già yếu tàn tật thì thải ra. Đến đây vua lại cử hành” [4, 265-266].

Từ đó về sau, các cuộc duyệt tuyển lớn được tiến hành thường xuyên tại các địa phương do Nguyễn Ánh kiểm soát nhằm bổ sung binh lính vào các đơn vị quân đội. Trong năm 1795, cuộc duyệt tuyển quy mô lớn đã được tiến hành tại các phủ Bình Khang, Diên Khánh, Bình Thuận [4,

331]. Năm 1796, tiến hành duyệt tuyển ở bốn dinh đất Gia Định là Trấn Biên, Phiên Trấn, Trấn Định và Vĩnh Trấn (2 đạo Long Xuyên và Kiên Giang phụ vào đó) [4, 332-333].

Như vậy, duyệt tuyển đã được thực hiện xuyên suốt trong một thời gian dài trải qua các triều đại. Trong đó, định lệ ban hành năm Hồng Đức thứ 1 thời Lê sơ có ảnh hưởng lâu dài, được xem như là mẫu mực. Trong bối cảnh đất nước phân liệt thời Trịnh - Nguyễn, chế độ kiểm soát dân đinh, thu thuế và bắt lính vẫn được thực hiện liên tục, nhưng tùy vào tình hình thực tế ở mỗi nơi mà có sự khác biệt ít nhiều. Hoạt động duyệt tuyển của các chúa Nguyễn ở Đàng Trong và đặc biệt là những quy chế duyệt tuyển từ khi Nguyễn Ánh lấy được đất Gia Định đã ảnh hưởng trực tiếp và chi phối định lệ duyệt tuyển đầu triều Nguyễn.

2.2. Hoạt động duyệt tuyển dưới thời Gia Long và Minh Mạng

2.2.1. Duyệt tuyển dưới thời Gia Long

Triều Nguyễn thành lập trong một bối cảnh mà những vấn đề cần giải quyết có nhiều khác biệt và khó khăn hơn so với các triều đại trước đó. Lần đầu tiên trong lịch sử, đất nước có một lãnh thổ rộng lớn với thành phần sắc tộc đa dạng và phức tạp. Sự khác biệt về tổ chức quản lý hành chính ở mỗi miền trải qua thời gian dài chia cắt và nội chiến không dễ gì thống nhất trong một thời gian ngắn. Vấn đề kiểm soát những khu vực biên viễn cũng đặt ra nhiều thách thức, nhất là ở phía Bắc. Bởi trước đó, “thời Lê - Trịnh, biên giới phía Bắc và phía Tây bị buông lỏng, nhiều thổ dân từ Quảng Tây, Vân Nam xâm lấn, đồng thời một số tù trưởng miền núi cũng lợi dụng triều đình không ổn định yếu kém thực hiện ý đồ cục bộ, địa phương làm suy yếu nền thống nhất quốc gia” [16, 11].

Vừa thiết lập triều đại mới, nhiều công việc hệ trọng đối với chính quyền trung ương được triển khai và duyệt tuyển là một trong những vấn đề quan trọng được vua Gia Long nhanh chóng cho thực hiện. Năm 1802, định đặt niên hiệu, chọn nơi đóng đô thì năm 1803, vua Gia Long bắt đầu cho thực hiện duyệt tuyển ở các dinh từ Quảng Bình trở vào nam. Duyệt tuyển được xem là hoạt động quan trọng hàng đầu của chính quyền trung ương qua các đời và đến triều Nguyễn lại càng được củng cố. Vua Gia Long dụ cho các quan phụ trách tuyển trường (Tuyển trường là nơi tổ chức thực hiện duyệt tuyển của một hoặc một số địa phương. Địa điểm đặt tuyển trường do triều đình quy định) rằng: “Phép duyệt tuyển là để thải người già điền người tráng, phân biệt nơi đông đúc nơi thưa thớt. Nhà nước đã có phép thường. Nay võ công đã xong, đặc biệt sai cử hành việc duyệt tuyển, bọn người đều nên theo lễ công, giữ phép nước, cốt sao cho được quân bình, để xứng với sự ủy thác” [4, 542-542].

Định lệ duyệt tuyển thời Gia Long được bổ sung vào năm 1808, theo đó có sự phân biệt cho hai nhóm đối tượng là: 1. Những người có chức sắc và con của quan viên; 2. Dân thường. Những đối tượng chức sắc (đã được cấp bằng, chỉ hoặc phó) thì phải trình xét, nếu không thì bỏ vào tráng hạng. Con của các quan viên văn võ có trật tứ phẩm trở lên hoặc quan viên được thuộc hàng công thần Vọng Các (Là những công thần khai quốc từng theo Nguyễn Ánh sang Xiêm trong thời gian lưu vong ở đây) (có trật cửu phẩm trở lên) thì gọi là quan viên tử. Trong đó, chỉ có quan viên tử con của quan tam phẩm trở lên hoặc con công thần Vọng Các thì mới được miễn binh đao (Nghĩa vụ lao dịch và đinh lính) và thuế thân, còn con quan tứ phẩm chỉ miễn binh đao và phải đóng thuế thân. Định lệ này cũng quy định người dân đến tuổi và người dân xiêu tán mới trở về quê quán mà tuổi 18, 19 trở lên thì xếp vào hạng tráng, hạng quân, hạng dân. Người có nhà ở thì xếp vào hạng gia cư, ở ngụ thì xếp vào hạng ngụ cư. Những người tuổi 55 đến 60 thì xã trưởng phải dẫn đến tuyển trường để kiểm tra rồi mới bỏ vào lão hạng hay lão nhiều. Đối với những người có tật thì xếp vào hạng nhiều tật, hạng tàn tật. Người thân bình thấp bé dưới ba thước (Người trưởng thành nhưng thấp dưới 1m) trong khung tuổi 30 đến 55 thì cho làm hạng tiểu nhiều. Những người thuộc hạng lão và tật thì sẽ do Bộ Binh kiểm tra, nếu đúng thì cho được miễn trừ duyệt tuyển. Chi phí cung ứng cho tuyển trường lúc bấy giờ chiếu theo số dân đinh trong sổ, mỗi người 10 đồng tiền [4, 733-734].

Về niên hạn tổ chức, thời Gia Long lấy các năm Mậu - Quý để làm duyệt tuyển (Lấy thiên can của năm để định mốc duyệt tuyển. Thứ tự của thập thiên can là: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kì, Canh, Tân, Nhâm, Quý). Từ năm Quý Hợi (1803) cho đến Mậu Dần (1818) đã thực hiện được 4 đợt duyệt tuyển tại các địa phương từ Quảng Bình trở vào nam. Các địa phương thời Gia Long bao gồm: Bắc Thành quản lý 5 nội trấn là Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Sơn Tây và 6 ngoại trấn là Thái Nguyên, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Quảng Yên. Khu vực trung tâm là phủ Hoài Đức, từ 1805 trở về trước gọi là phủ Phụng Thiên. Gia Định Thành quản lý 5 dinh/trấn là Trấn Biên (từ 1808 đổi thành trấn Biên Hòa), Phiên Trấn (năm 1808 đổi thành trấn Phiên An), Vĩnh Trấn (đổi thành trấn Vĩnh Thanh), Trấn Định (năm 1808 đổi thành trấn Định Tường) và trấn Hà Tiên (1810). Khu vực do triều đình Huế trực tiếp quản lý gồm 11 trấn/dinh và 1 phủ Thừa Thiên, đó là trấn Nghệ An, trấn Thanh Hoa, dinh Quảng Bình (từ 1827 là trấn Quảng Bình), dinh Quảng Trị (từ 1827 là trấn Quảng Trị), dinh Quảng Đức (từ 1821 là phủ Thừa Thiên), dinh Quảng Nam (từ 1827 trấn Quảng Nam), dinh Quảng Ngãi (từ 1808 là trấn Quảng Ngãi), dinh Bình Định (từ 1808 là trấn Bình Định), dinh Phú Yên (từ 1808 là trấn Phú Yên), dinh Bình Khang (từ 1808 là trấn Bình Hòa), dinh Bình Thuận (từ 1808 là trấn Bình Thuận).

Bảng 1. Thống kê duyệt tuyển thời Gia Long

TT	Thời gian	Địa phương duyệt tuyển
1	Quý Hợi 1803	Các dinh từ Quảng Bình trở về Nam.
2	Mậu Thìn 1808	- Các dinh từ Quảng Nam đến Gia Định. - Ba dinh Quảng Đức, Quảng Trị và Quảng Bình do bận mùa màng nên chuyển sang duyệt tuyển vào năm Gia Long thứ 8, (Kỷ Ty) 1809.
3	Quý Dậu 1813	Các dinh từ Quảng Bình đến Gia Định.
4	Mậu Dần 1818	- Các trấn Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa. - Ba dinh Quảng Đức, Quảng Trị, Quảng Bình và 5 trấn từ Bình Thuận vào Nam.

(Tác giả thống kê từ *Đại Nam thực lục* và *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*)

Thống kê ở Bảng 1 cho thấy thời Gia Long đã thực hiện duyệt tuyển đồng loạt tại tất cả các địa phương trong cùng một năm, theo niên khóa đã định. Riêng năm 1808, ba dinh Quảng Đức, Quảng Trị và Quảng Bình phải dời duyệt tuyển sang năm sau Kỷ Ty (1809) là do bận vào mùa nên vẫn được tính vào niên khóa Mậu Thìn (1808). Như vậy tính từ lần duyệt tuyển đầu tiên năm 1803 cho đến năm 1818, các dinh/trấn từ Quảng Bình trở về Nam đều duyệt tuyển đều đặn theo định kì 5 năm, và đã thực hiện được 4 khóa.

Việc duyệt tuyển ở các địa phương từ Nghệ An trở ra Bắc, đặc biệt ở Bắc Thành là một vấn đề lớn trong vài thập niên đầu triều Nguyễn. Năm Đinh Mão 1807, vua Gia Long cho năm nội trấn của Bắc Thành và phủ Hoài Đức làm lại sổ hộ tịch [4, 693-694]; còn Nghệ An, Thanh Hóa, Thanh Bình (Tức Ninh Bình. Từ 1806 trở về trước gọi là Thanh Hoa ngoại trấn. Năm 1806, vua Gia Long cho đổi gọi là đạo Thanh Bình. Năm 1822 đời Minh Mạng, đổi lại thành đạo Ninh Bình. Thời điểm đổi tên này là cuối năm 1822, sau khi ban hành định lệ nói trên) thì đến 1819 mới làm lại sổ [4, 987-988]. Sổ hộ tịch là cơ sở quan trọng để thực hiện duyệt tuyển. Tuy nhiên theo lời tâu của bề tôi khi vua Minh Mạng cho bàn việc duyệt tuyển ở Bắc Thành và Thanh - Nghệ vào năm 1821 thì sổ đinh đến lúc này vẫn chưa kịp làm [5, 176]. Sổ hộ tịch ở Bắc Thành chưa được làm là một trong những lý do quan trọng khiến việc duyệt tuyển chưa thực hiện được

ở khu vực này. Cho đến những ngày tháng cuối đời, vua Gia Long mới bàn định duyệt tuyển ở Bắc Thành nhưng rồi vì lũ lụt nên lại hoãn [4, 995].

2.2.2. Duyệt tuyển dưới thời Minh Mạng

Sau khi lên ngôi, vua Minh Mạng rất quyết tâm trong việc tổ chức duyệt tuyển ở miền Bắc. Tuy nhiên trong vài năm đầu, thiên tai và mất mùa đã khiến cho kế hoạch duyệt tuyển ở Bắc Thành lại đình hoãn. Ngay năm đầu lên ngôi 1820, vua Minh Mạng đã cho triển khai việc duyệt tuyển ở Bắc Thành, nhưng vì có dịch nên phải đình lại [5, 84]. Việc này dường như lại càng khiến vua Minh Mạng quyết tâm hơn trong việc thực hiện bằng được duyệt tuyển ở Bắc Thành. Năm 1821, khi bàn về việc duyệt tuyển ở Bắc Thành và Thanh - Nghệ, vua Minh Mạng nói với bề tôi rằng: “Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, đại xá thi ân chưa từng tiếc phí. Số dân nhiều hay ít, vốn cũng chẳng có tính toán so đo. Nhưng duyệt tuyển là phép hay của bản triều còn chưa thi hành ở Bắc Hà, cho nên muốn mở đầu một phen để bảo đời sau. Bọn khanh nên bàn bạc thỏa đáng đề tâu” [5, 175-176].

Sau một năm chuẩn bị, đến 1822, lần đầu tiên sau 20 triều Nguyễn được thành lập, cuộc duyệt tuyển ở miền Bắc mới được thực hiện. Cuộc duyệt tuyển năm này được triển khai ở năm trấn Bắc Thành gồm: Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hải Dương, Sơn Tây, Kinh Bắc. Tổng trấn Bắc Thành Lê Chất được giao quản lĩnh ấn vụ duyệt tuyển. Khi tổng sách dâng lên, đình số tăng nhiều quan các năm. Số đình năm trấn và phủ Hoài Đức năm Canh Thìn (1820) có 190.226 người, năm Tân Tỵ (1821) có 189.271 người, đến năm Nhâm Ngọ (1822) số tuyển lên tới 193.817 người [5, 185-186]. Có thể nói sự kiện duyệt tuyển lần đầu tiên ở Bắc Thành là một thành công quan trọng trong vài năm đầu nắm quyền của vua Minh Mạng. Nó thể hiện ý chí kiểm soát tình hình địa phương của triều đình trung ương, nhất là đối với vùng đất Bắc Hà trước đây.

Trong năm 1822, khi đã làm xong cuộc duyệt tuyển quan trọng, vua Minh Mạng đã ban hành quy định thời gian duyệt tuyển đối với các địa phương trong cả nước. Theo đó, tất cả các dinh, trấn, đạo lập 21 tuyển trường, chia làm ba khoá: Giáp Kì, Mậu Quý, Đinh Nhâm. Trong đó, các dinh/trấn/đạo Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Nghệ An, Thanh Hoa, Thanh Bình sẽ duyệt tuyển vào các năm Giáp - Kì (Năm 1828, do bị mất mùa nên kì duyệt tuyển theo niên hạn Giáp - Kì của Thanh Nghệ và Ninh Bình phải hoãn. Sau đó được chuyển sang các năm Ất - Canh); Bình Định, Phú Yên, Bình Hoà, Bình Thuận, Phiên An, Biên Hoà, Vĩnh Thanh, Định Tường (Hà Tiên, Long Xuyên và Kiên Giang phụ vào Định Tường) sẽ duyệt tuyển vào năm Mậu - Quý; Sơn Nam Thượng - Hạ, Hải Dương, Sơn Tây (Hoài Đức phụ vào), Kinh Bắc sẽ duyệt tuyển vào các năm Đinh - Nhâm [5, 215]. (Cũng năm 1822, một số địa phương cũng được đổi tên, cụ thể: trấn Sơn Nam thượng đổi thành trấn Sơn Nam, trấn Sơn Nam hạ đổi thành trấn Nam Định, trấn Kinh Bắc đổi thành trấn Bắc Ninh, trấn Yên Quảng làm trấn Quảng Yên).

Bảng 2. Thống kê duyệt tuyển thời Minh Mạng

TT	Thời gian	Địa phương duyệt tuyển
1	Canh Thìn 1820	Hoãn duyệt tuyển ở Bắc Thành (do dịch bệnh, mất mùa).
2	Nhâm Ngọ 1822	Duyệt tuyển ở năm trấn Bắc Thành (Sơn Nam Thượng, Sơn Nam Hạ, Hải Dương, Sơn Tây, Kinh Bắc, mỗi nơi một trường; phủ Hoài Đức phụ vào trường Sơn Tây).
3	Quý Mùi 1823	Duyệt tuyển ở bốn trấn Bình Định, Phú Yên, Bình Hoà, Bình Thuận.
4	Giáp Thân 1824	- Duyệt tuyển ở Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Quảng Nam, và Quảng Ngãi. - Hoãn duyệt tuyển ở Thanh Hoa, Nghệ An và Ninh Bình (do mất

Chế độ “duyệt tuyển” dưới thời Gia Long (1802 - 1820) và Minh Mạng (1820 - 1841)

		mùa).
5	Ất Dậu 1825	Duyệt tuyển ở các trấn đạo Thanh Hoa, Nghệ An, Ninh Bình (năm 1824 chuyển sang).
6	Đinh Hợi 1827	Hoãn việc duyệt tuyển ở Bắc Thành (Do khởi nghĩa Phan Bá Vành và dân xiêu tán chưa ổn định).
7	Mậu Tý 1828	- Duyệt tuyển ở năm nội trấn Bắc Thành và phủ Hoài Đức. - Duyệt tuyển ở các trấn từ Bình Định đến Bình Thuận. - Duyệt tuyển ở bốn trấn Biên Hoà, Phiên An, Vĩnh Thanh, Định Tường thuộc thành Gia Định (Hà Tiên phụ vào tuyển trường Vĩnh Thanh).
8	Ki Sửu 1829	Duyệt tuyển ở Thừa Thiên và các trấn Quảng Nam, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi
9	Canh Dần 1830	Duyệt tuyển ở ba trấn Nghệ An, Thanh Hoa và Ninh Bình. Chuyển từ niên khóa Giáp - Ki sang Ất - Canh.
10	Nhâm Thìn 1832	Hoãn duyệt tuyển ở Bắc Thành (do chia đặt tỉnh hạt).
11	Quý Ty 1833	- Duyệt tuyển ở 6 tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây (huyện Tam Nông ở Hưng Hóa phụ về tuyển trường Sơn Tây) và Hưng Yên thuộc Bắc Kỳ. - Hoãn duyệt tuyển ở sáu huyện Kim Bảng, Duy Tiên, Thượng Phúc, Phú Xuyên, Sơn Minh, Hoài An thuộc Hà Nội (vì lũ lụt, dân cư xiêu tán). - Hoãn duyệt tuyển từ Bình Định trở vào Nam Kỳ (do chia đặt tỉnh hạt).
12	Giáp Ngọ 1834	Hoãn duyệt tuyển từ Quảng Bình trở vào Nam (Quảng Bình đến Quảng Nam là đúng niên khóa Giáp Ngọ; Bình Định trở vào là bù cho niên khóa Quý Ty phải hoãn) (do khởi nghĩa của Lê Văn Khôi).
13	Ất Mùi 1835	- Duyệt tuyển ở Biên Hoà, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Gia Định (thay cho lần hoãn năm 1833; không thấy duyệt tuyển bù cho các tỉnh từ Bình Định đến Bình Thuận). - Duyệt tuyển ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa, Ninh Bình (Hà Tĩnh, xây thành chưa xong, phụ tuyển vào trường Nghệ An).
14	Đinh Dậu 1837	Duyệt tuyển ở các tỉnh Hà Nội, Sơn Tây, Bắc Ninh (huyện Tam Nông ở Hưng Hóa phụ tuyển ở trường Sơn Tây), Nam Định, Hải Dương, Hưng Yên
15	Mậu Tuất 1838	Duyệt tuyển ở các tỉnh từ Bình Định trở vào Nam đến Hà Tiên.
16	Ki Hợi 1839	Duyệt tuyển ở Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Quảng Nam
17	Canh Tý 1840	- Hoãn duyệt tuyển ở Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoa (do dịch và mưa lụt). - Duyệt tuyển ở Ninh Bình.

(Tác giả thống kê từ Đại Nam thực lục và Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ)

Từ năm 1822 khi ban hành định lệ về niên khóa mới, các cuộc duyệt tuyển đã được tiến hành thường xuyên tại các địa phương đến niên khóa phải làm duyệt tuyển. Niên khóa duyệt tuyển thời Minh Mạng có sự thay đổi so với thời Gia Long, đó là làm lần lượt tại các địa phương theo niên khóa nhất định, chứ không làm đồng loạt trên cả nước. Bên cạnh đó, chi phí cho tuyển trường thời Gia Long buộc người dân tham gia duyệt phải đóng góp thì năm 1824, Minh Mạng cho bãi bỏ lệ này và quy định lấy từ ngân sách nhà nước. Dự rằng: “Buổi quốc sơ lệ tuyển trường có tiền đăng tên, lấy của dân để chi việc công. Khoảng năm Gia Long, kho tàng chưa đủ nên còn giữ nếp cũ, đây cũng là theo nghĩa mà lấy ở dân để làm việc thiên hạ vậy. Nay sức tích mỗi năm một thêm, nước đã đủ dùng, chẳng muốn làm hao phí dân nữa, từ sau phạm sự cung ứng ở tuyển trường thì lấy của công mà cấp, lệ tiền đăng tên thì bãi đi” [5, 335].

Từ thống kê tình hình duyệt tuyển ở trên (Bảng 2), có thể thấy rằng:

Các địa phương từ Quảng Bình vào đến Quảng Ngãi theo niên khóa Giáp - Kì thì phải duyệt tuyển 4 lần nhưng chỉ thực hiện được 3 lần, 1 lần phải đình hoãn vào năm Giáp Ngọ 1834 và không duyệt tuyển bù.

Các địa phương từ Nghệ An đến Ninh Bình ban đầu theo niên khóa Giáp - Kì nhưng từ 1825 đổi thành Ất - Canh cũng phải duyệt tuyển 4 lần, nhưng chỉ thực hiện được 3 lần, riêng Ninh Bình đủ 4 lần.

Từ Bình Định trở vào theo niên khóa Mậu - Quý thì khóa Quý Mùi 1823 chỉ duyệt tuyển bốn trấn Bình Định, Phú Yên, Bình Hoà, Bình Thuận; khu vực Gia Định Thành không thấy nhắc đến. Tổng cộng từ 1820 đến 1840, các địa phương khu vực này duyệt tuyển được 3 lần, 1 lần đình hoãn. Trong suốt thời Minh Mạng, khu vực Nam Kì cũng duyệt tuyển được 3 lần, 1 lần không thấy duyệt tuyển (không rõ lý do vào năm Quý Mùi 1823).

Đối với Bắc Thành và sau đó là các tỉnh thuộc Bắc Kì, thời Minh Mạng đã tổ chức đủ 4 lần duyệt tuyển theo niên khóa Đinh - Nhâm (mặc dù phải hoãn 2 lần vào các năm 1827, 1832 nhưng đã duyệt tuyển bù vào năm kế tiếp). Năm Canh Thìn 1820 lần đầu tiên tổ chức duyệt tuyển những phải hoãn. Nếu năm 1820 cũng tổ chức duyệt tuyển thành công thì Bắc Thành sẽ có 5 lần duyệt tuyển. Như vậy, khu vực Bắc Thành dưới thời Minh Mạng đã tổ chức nhiều kì duyệt tuyển hơn so với các khu vực khác trong nước.

Thống kê tình hình duyệt tuyển thời Gia Long và Minh Mạng ở trên cùng với định lệ duyệt tuyển được ban hành năm 1822 cho thấy, vấn đề lớn nhất đối với công tác duyệt tuyển là khả năng áp đặt chế độ này đối với những khu vực mà quyền lực của triều đình vẫn chưa thể kiểm soát hoàn toàn, tuyệt đối. Nếu như thời Gia Long từ Nghệ An trở ra đến Bắc Thành chưa thể làm duyệt tuyển, thì thời Minh Mạng duyệt tuyển lại chưa thể áp dụng đối với các địa phương xa xôi, biên viễn thuộc về ngoại trấn Bắc Thành trước đây. Phải đến năm 1839, vấn đề duyệt tuyển đối với các địa phương miền núi phía Bắc mới được đặt ra để giải quyết. Tuy nhiên, vua Minh Mạng đã không có đủ thời gian để triển khai vấn đề này.

Năm 1840, triều đình yêu cầu các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên làm lại sổ đình điền để chuẩn bị cho duyệt tuyển. Bởi vì: “Từ trước đến giờ, 5 tỉnh ấy vẫn cho là đất ở chỗ biên viễn, chưa từng bàn đến việc duyệt tuyển. Xét ra dân các hạt ấy lâu nhờ nuôi dạy yên ổn, nhân dân ruộng đất tương cũng ngày thêm đông đúc, mở mang, xin nên theo lệ các tỉnh to, làm lại sổ sách... đợi đến sang năm, cùng với tỉnh Quảng Yên, sai quan đến duyệt tuyển một thể” [7, 740]. Tuy vậy, quá trình chuẩn bị để duyệt tuyển ở các tỉnh này cũng không hề đơn giản. Ngay khi triều đình yêu cầu các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Hưng Hoá, Tuyên Quang, Thái Nguyên làm lại sổ đình, sổ điền để duyệt tuyển thì địa phương cũng phản hồi những khó khăn và xin đình hoãn. Cuối năm 1840, Khoa đạo Lưu Quỹ và Đặng Quốc Lang dâng sớ nói: “Những tỉnh Tuyên, Hưng, Cao, Lạng, Thái Nguyên và Quảng Yên, đã được bộ bàn, chuẩn cho đổi làm sổ đình, đến sang năm sai quan đi duyệt đình tuyển lính. Đó là muốn cho chính trị không khác nhau, phong tục đều giống nhau. Duy địa thế những hạt ấy rộng xa, núi khe hiểm

trở, dân ở hạt đến tỉnh, đường đi hoặc có chỗ 8, 9 ngày, hoặc có chỗ hơn 20 ngày, chi phí về việc đi lại, sợ không tiện cho dân. Thiết tưởng sổ sách đã thành, chỗ nào dân trù, chỗ nào dân điều háo đều đã phân biệt, tuyển quan chỉ căn cứ ở trên giấy tờ mà xét làm. Người già cả, tàn tật thêm bớt không có mấy, mà một phen sai phái, cũng là bận rộn, xin đều giao cho tỉnh thần phê phó, do bộ tra xét, đưa xuống cho thi hành. Còn việc sai quan đi duyet tuyển tạm đình lại” [5, 858].

Vua Minh Mạng đã không chấp nhận những khó khăn mà địa phương báo về và dụ rằng: “Phép duyet tuyển là để phân biệt nơi dân đông, nơi điều háo, mà chia đều thuế khoá sai dịch. Những hạt ấy được dạy nuôi đã lâu, đời thổ quan đặt lưu quan, dân nào cũng là dân, thì nên cùng một sự thể với các hạt khác, há nên cứ theo thổ tục mà không cho giống nhau ư?” [5, 859]. Đồng thời vua Minh Mạng cũng đã đưa ra một loạt các công việc cụ thể mà địa phương phải thực hiện để có thể làm duyet tuyển. Dù vậy, việc duyet tuyển ở các tỉnh được xem là biên viễn này vẫn bỏ ngỏ cho đến khi vua Minh Mạng qua đời.

2.3. Một số nhận xét về chế độ duyet tuyển dưới thời Gia Long và Minh Mạng

Chế độ duyet tuyển đóng vai trò rất lớn trong quá trình thực thi quyền lực của nhà nước trung ương đối với địa phương, nhất là nắm được số lượng dân đinh tại làng xã. Dưới triều Nguyễn, duyet tuyển liên quan đến tham vọng của nhà nước trong việc thiết lập sự ổn định, trật tự xã hội bằng cách tăng cường sức mạnh áp chế hành chính - quân sự lên các đơn vị hành chính cơ sở. Chính vì vậy, có thể coi duyet tuyển là biểu hiện cho sức mạnh của nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.

Khi triều Nguyễn được thiết lập, trong tổ chức bộ máy nhà nước, việc giải quyết mối quan hệ giữa chính quyền trung ương và các địa phương là khó khăn lớn nhất mà vua Gia Long phải đối mặt. Bên cạnh đó, còn là sự chia sẻ quyền lực của Gia Long đối với đội ngũ công thần khai quốc đã chinh chiến trong nhiều năm.

Những mâu thuẫn vốn đã tiềm tàng trong lòng xã hội Đàng Ngoài - Đàng Trong trước đó và thái độ của tầng lớp sĩ phu Bắc Hà đối với chính quyền mới đã khiến cho Gia Long phải tìm một hướng giải quyết phù hợp trong thiết lập cấu trúc quyền lực. Triều Nguyễn vào thời Gia Long đi theo mô hình nhà nước quân chủ tập trung, nhưng trên thực tế đã phải thực hiện phân quyền cho cấp hành chính trung gian là Bắc Thành và Gia Định Thành. Trong đó quyền lực của Tổng trấn đứng đầu hai đơn vị hành chính trung gian này là rất lớn với một bộ máy giúp việc như một triều đình thu nhỏ. Triều đình Huế chỉ trực tiếp nắm lấy các trấn từ Thanh Hoa vào đến Bình Thuận. Với một lãnh thổ đất nước rộng lớn, chứa đựng nhiều khác biệt cũng như mâu thuẫn xã hội tiềm tàng, thì phân quyền là giải pháp hợp lý vào đầu thế kỉ XIX. Bởi vì, dù vua Gia Long đã thống nhất được giang sơn bờ cõi, nhưng vấn đề “nhân tâm” và sự khác biệt vùng miền trong tổ chức hành chính thì còn phải mất nhiều thời gian để giải quyết.

Do chấp nhận một mô hình phân quyền như vậy, nên trong quá trình tổ chức duyet tuyển, thời Gia Long chỉ thực hiện được từ vùng đất từ Quảng Bình trở vào, bởi đó là vùng đất dựng nghiệp của các chúa Nguyễn trước đây. Riêng khu vực Gia Định Thành, cho dù quyền lực Tổng trấn chi phối rất lớn, quản lý về ruộng đất của chính quyền trung ương còn bỏ ngỏ, nhưng dầu sao đây cũng là vùng đất trực tiếp “hung đế nghiệp” của Nguyễn Ánh - Gia Long, cơ sở về mặt xã hội để triển khai thành công các chính sách lớn vẫn khá vững chắc. Trong khi đó tại vùng đất Bắc Hà cũ, chính quyền Gia Long chưa thể áp đặt thực hiện chế độ quan trọng này. Trong suốt thời gian nắm quyền, vua Gia Long chưa thể hiện ý định tổ chức duyet tuyển ở Bắc Thành, đó là sự thận trọng cần thiết.

Kết quả từ các kì duyet tuyển là căn cứ để triều đình phân bổ tỉ lệ bắt lính tại các địa phương. Thông qua duyet tuyển, triều đình nắm được con số thực dân đinh tại làng xã và phân loại thành các hạng để từ đó kén lính cũng như áp mức thuế. Thời Gia Long, bên cạnh các đợt duyet tuyển định kì như bảng thống kê ở trên (Bảng 1), thì triều đình căn cứ vào sổ thường hành

(sổ đinh có sự phân loại các hạng để căn cứ vào đó mà bắt lính) được lập vào thời Lê Trung Hưng để kén lính bổ sung vào các đơn vị quân đội. Ngay năm 1802, khi quy định tỉ lệ kén lính cho Bắc Thành, triều đình còn yêu cầu sử dụng sổ thường hành được lập vào năm Giáp Dần (1734). “Đến nay vua sai bầy tôi làm bản định quy chế. Sai Nguyễn Văn Trương, Lê Văn Duyệt, Lê Chất, Nguyễn Đức Xuyên, Nguyễn Quang Diệu chia nhau đi kén ở các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam thượng hạ, Thanh Hoa ngoại, chiếu theo sổ thường hành năm Giáp Dần, cứ 7 đinh lấy 1 để bổ vào năm quân và các cơ đội của Phần dực dinh và Tượng dinh” [4, 521] Đợt kén lính Bắc Thành lần này có quy mô rất lớn, bổ sung vào các đơn vị quân đội thuộc Ngũ quân ngũ bảo (Ngũ quân), Phần dực dinh và Tượng dinh. Với số lượng tuyển lính cụ thể như sau: Trung quân 10 cơ, Tiền quân 10 cơ, Tả quân 10 cơ, Thần võ quân 10 cơ, Hậu quân 10 cơ, Thần sách quân Phần dực dinh 4 cơ, Tượng dinh 5 cơ thì đã có tổng số binh lính gần 3 vạn người (mỗi cơ biên chế 500 người). Những đơn vị thuộc Ngũ quân đều được đóng giữ tại địa phương. Tại Nghệ An và Thanh Hoa cũng theo tỉ lệ 7 người lấy 1 bổ vào các dinh vệ quân Thần sách [4, 524] Số lính kén tại Nghệ An, Thanh Hoa năm 1802 khá lớn, khoảng 10.000 quân, gồm: (4 vệ thuộc Trung dinh, 4 vệ thuộc Tiền dinh, 4 vệ Tả dinh, 4 vệ thuộc Hữu dinh, 4 vệ thuộc Hậu dinh).. Đối với vùng ngoại trấn gồm Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Yên Quảng thì chỉ kén thô binh với tỉ lệ 10 đinh lấy 1 [4, 530-531]. Ở Nam Kỳ ban đầu cứ 8 đinh lấy 1, nhưng từ 1834 vua Minh Mạng bắt đầu thực hiện quy chế cứ 5 đinh tuyển 1 lính [8, 244].

Như vậy có thể thấy sổ đinh có vai trò đặc biệt quan trọng đối với công tác quản lý xã hội dưới triều Nguyễn. Sổ đinh có được lập đầy đủ thì nhà nước quân chủ mới có thể có căn cứ để thu thuế, áp đặt chế độ binh dịch và duyệt tuyển (tức duyệt dân tuyển lính). Mặc dù năm 1807, triều đình yêu cầu 5 nội trấn Bắc Thành làm lại sổ hộ tịch thay thế cho sổ thường hành cũ được lập từ thời Lê Trung Hưng, nhưng cho đến hết thời Gia Long, loại sổ thường hành vẫn được dùng làm căn cứ để bắt lính. Sự chậm trễ trong quá trình làm lại sổ hộ tịch phục vụ phân loại dân đinh và duyệt tuyển chính là biểu hiện cho những khó khăn trong quá trình kiểm soát xã hội ở Bắc Thành suốt thời Gia Long.

Sau khi lên ngôi 1820, vấn đề duyệt tuyển Bắc Thành đã được vua Minh Mạng cho triển khai nhưng phải đình hoãn để có sự chuẩn bị chu đáo hơn. Phải đến hai năm sau, Bắc Thành mới tổ chức được cuộc duyệt tuyển lần đầu tiên. Đó là một thắng lợi lớn về chính trị của vua Minh Mạng, nhưng đồng thời cũng thể hiện rõ một điều rằng, sự phức tạp về tình hình xã hội ở Bắc Thành không dễ dàng để giải quyết. Ngay cả định lệ niên khóa duyệt tuyển năm 1822 cũng phản ánh rõ vấn đề này. Lúc bấy giờ Bắc Thành chỉ duyệt tuyển ở khu vực nội trấn, còn khu vực ngoại trấn chưa thể thực hiện duyệt tuyển. Cho đến hết thời Minh Mạng, vấn đề duyệt tuyển ở những tỉnh thuộc ngoại trấn trước đây vẫn chưa thể triển khai, cho dù vua Minh Mạng trước đó đã rất quyết liệt trong việc “đổi thổ quan đặt lưu quan”.

Nói về vai trò của duyệt tuyển, vua Minh Mạng nhiều lần nói rằng: “Cái phép duyệt đinh tuyển lính, là để phân biệt trù mật và điêu hao, bình quân phú thuế và dao dịch: thực là phép tốt để muôn đời theo làm” [6, 760]. Chính trị của một đời vua cũng lấy đó làm điều căn bản. Chế độ duyệt tuyển gắn liền với thân phận từng người dân cũng như sự ổn định của cấu trúc làng xã, nơi mà người dân gắn chặt vào đó với các yếu tố kinh tế - xã hội. Vì vậy mà vua Minh Mạng nhấn mạnh rằng: “Giữ dân, không có cách gì khác, cốt ở sự yên nuôi, sinh sản đầy mà thôi, cho nên đời xưa nói đến nước thịnh trị, tất phải nói là dân đã đông đúc, trăm từ khi lên ngôi đến nay, chỉ chăm lo việc vỗ nuôi nhân dân và gia ơn cho kẻ quan, quã, cốt mong cho dân ta sinh sản ngày một nhiều để được cường thịnh” [7, 242-243]. Đó là ở triều đình, đối với đối ngũ quan lại địa phương, họ cũng nhận thấy rằng: “Đến như kì duyệt tuyển là để biết số dân đông hay thưa có quan hệ đến chính sách to lớn” [7, 740].

Từ nhận thức sâu sắc về vai trò của duyet tuyển như vậy, vua Minh Mạng đã quyết tâm thực hiện chế độ này ở khu vực Nghệ An trở ra Bắc Thành ngay sau khi nắm quyền, điều mà vua Gia Long chưa thực hiện được. Kết quả hoạt động duyet tuyển thời Minh Mạng cho thấy, triều đình trung ương đã áp đặt được những chính sách cơ bản trong quản lý xã hội ở khu vực Bắc Thành. Tuy nhiên, kết quả duyet tuyển cũng phản ánh một vấn đề quan trọng rằng, ngay trong thời Minh Mạng, với bộ máy hành chính đã được cải cách từ sau 1831, vẫn chưa thể chi phối hoàn toàn đối với khu vực ngoại trấn Bắc Thành trước đây. Đó chính là sự khó khăn, phức tạp trong quá trình tập trung hóa quyền lực của nhà nước quân chủ thời Minh Mạng mà kết quả thực hiện chế độ duyet chính là một trong những biểu hiện rõ nét.

Trong biểu hiện của quyền lực nhà nước quân chủ, thu thuế và bắt lính là hai hoạt động thường xuyên, định kỳ nhà nước tiến hành ở các làng xã. Điều này phản ánh bản chất mối quan hệ giữa nhà nước quân chủ và làng xã. Toàn bộ quyền lực, sức mạnh áp chế của nhà nước đối với làng xã thể hiện qua vấn đề này. Nếu không kiểm soát được làng xã, nhà nước quân chủ không thể thực hiện được vai trò của mình, và đề có thể phủ được quyền lực lên toàn bộ xã hội thông qua duyet tuyển, triều đình phải quản lý được làng xã, quản lý được ruộng đất và dân đinh. Từ vấn đề này có thể thấy rằng việc triều đình trung ương thời Minh Mạng dù đã rất quyết liệt trong quá trình tập trung hóa quyền lực, hạn chế tính tự trị ở địa phương, nhưng ở những nơi xa xôi thuộc miền núi khả năng này vẫn còn nhiều hạn chế. Các cuộc nổi dậy ở miền núi phía Bắc trong thời Minh Mạng mà tiêu biểu là khởi nghĩa Nông Văn Vân kéo dài nhiều năm là một minh chứng điển hình cho sự phản kháng tại khu vực này. Vì vậy mà khi dự định triển khai duyet tuyển ở các tỉnh miền núi phía Bắc vào năm 1839, 1840 đã vấp phải những phản ứng từ địa phương. Kế hoạch duyet tuyển chưa thực hiện được ở các tỉnh miền núi phía Bắc cuối đời Minh Mạng là biểu hiện rằng triều đình Huế vẫn chưa thực sự kiểm soát hoàn toàn khu vực này ngay trong thời kỳ bộ máy nhà nước quân chủ tập trung hoàn thiện nhất.

3. Kết luận

Duyet tuyển là một chế độ quan trọng dưới thời quân chủ Việt Nam được thực hiện xuyên suốt qua các triều đại. Triều Nguyễn thời Gia Long và Minh Mạng tiếp tục thực hiện vấn đề này với ý nghĩa không thay đổi đó là thông qua duyet tuyển nắm chặt hơn dân đinh làng xã để có thể thu thuế và bắt lính. Mặt khác, trong bối cảnh mới vào đầu thế kỷ XIX với những thách thức đặt ra trong quản lý, vua Gia Long và tiếp đó là Minh Mạng đã phải có những biện pháp ứng xử quyền lực khác nhau để từng bước thu hẹp tính chất phân quyền của tổ chức bộ máy nhà nước. Duyet tuyển dù là một trong rất nhiều vấn đề cần phải thực thi của chính quyền trung ương, nhưng đã biểu hiện cho khả năng kiểm soát địa phương cũng như hiệu lực của bộ máy hành chính đương thời. Vua Gia Long đã có những biện pháp mạnh mẽ nhằm kiểm soát tình hình ở Bắc Thành nhưng để tổ chức duyet tuyển thì vẫn chưa thể thực hiện được. Vua Minh Mạng kế ngôi đã giải quyết được vấn đề duyet tuyển ở Bắc Thành nhưng mới chỉ ở khu vực trung tâm là 5 nội trấn, còn khu vực ngoại trấn miền núi thì vẫn bỏ ngỏ cho đến khi qua đời. Quá trình thực hiện chế độ duyet tuyển từ Gia Long cho đến Minh Mạng cho thấy tính chất tập trung của bộ máy nhà nước đầu triều Nguyễn ngày càng tăng lên. Nhưng những khó khăn trong duyet tuyển cũng bộc lộ khả năng kiểm soát vùng biên viễn vẫn vô cùng nan giải đối với chính quyền trung ương, cho dù tập trung cao độ và hoàn thiện nhất dưới thời Minh Mạng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Lê, 1998. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập 1. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [2] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập 2. Nxb Giáo dục. Hà Nội.

- [3] Phan Huy Chú, 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập 2. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [4] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002. *Đại Nam thực lục*. Tập 1. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 2. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 4. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007. *Đại Nam thực lục*. Tập 5. Nxb Giáo dục. Hà Nội.
- [8] Nội các triều Nguyễn, 2005. *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ*. Tập V. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- [9] Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vận, 1965. “Tìm hiểu chế độ lao dịch và binh dịch dưới triều vua Gia Long”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 80.
- [10] Hoàng Lương, 2016. “Tuyển mộ binh lính dưới triều Minh Mệnh 1820-1840”. Tạp chí *Lịch sử quân sự*. Số 297.
- [11] Vũ Thị Nga, 2019. “Chế độ đãi ngộ đối với võ quan trong quân đội của vương triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884”. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm. Số tháng 2.
- [12] Bùi Gia Khánh, 2013. “Thủy quân triều Nguyễn dưới thời vua Gia Long và Minh Mệnh”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*. Số 7.
- [13] Bùi Gia Khánh, 2018. *Thủy quân triều Nguyễn (1802-1884)*. Nxb Chính trị Quốc gia sự thật. Hà Nội.
- [14] Nguyễn Minh Tường, 1996. *Cải cách hành chính dưới triều Minh Mệnh (1820-1840)*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [15] Đỗ Bang, 1997. Tổ chức bộ máy nhà nước triều Nguyễn giai đoạn 1802-1884. Nxb Thuận Hóa. Huế.
- [16] Phan Đại Doãn, Nguyễn Minh Tường và cộng sự, 1997. *Một số vấn đề về quan chế triều Nguyễn*. Nxb Thuận Hóa, Huế.
- [17] Trương Thị Yến, 2017. *Lịch sử Việt Nam, Tập 5: Từ năm 1802 đến năm 1858*, Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [18] Viện Lịch sử quân sự, 2020. *Lịch sử quân sự Việt Nam tập 8: Hoạt động quân sự từ năm 1802 đến năm 1896*. Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [19] Nguyễn Phan Quang, 1886. *Phong trào nông dân Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.

ABSTRACT

The military selection regime during the Gia Long (1802 - 1820) and Minh Mang (1820 - 1841) periods

Bui Gia Khanh

Faculty of Social Sciences Education, Saigon University

The article begins with a brief overview of the military selection regime in Vietnam before the eighteenth century and then focuses on clarifying the military selection regime implemented under Gia Long and Minh Mang. The author mainly uses historical methods analysis, and historical statistics from ancient Vietnamese bibliographical sources to clarify the process of implementing the selection regime through the two dynasties of King Gia Long and Minh Mang. The purpose of the military selection regime of the Gia Long and Minh Mang periods was also to classify the population into different classes for taxation and at the same time use it as a basis for recruiting soldiers. Research results show that from the Gia Long period (1802 - 1820) until Minh Mang (1820 - 1841) the military selection regime has become more and more complete associated with the process of concentrating the power of the monarchical state. In addition, the difficulties in implementing the military selection regime in the northern mountainous region also showed that the central court could not completely dominate this area, even during the most complete central government period under Minh Mang.

Keywords: recruitment, Nguyen Dynasty, Gia Long, Minh Mang, soldiers, military selection.